

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN PHONG
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN PHONG**

Bản án số: **27/2021/HNGĐST**

Ngày 22/12/2021

V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Trọng Thịnh;

Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Xuân Xế, Ông Kiều Văn Dậu;

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Tuấn

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong tham gia phiên tòa: Ông Dương Minh Quang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22/12/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình thụ lý số 58/2021/TLST- HNGĐ ngày 14/4/2021, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90 /2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 /11/2021 giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Chu Văn Dũng, sinh năm 1986; (có mặt tại phiên tòa);
HKTT: thôn Như Nguyệt, xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

2. Bị đơn: Chị Đỗ Thị Hòa, sinh năm 1987; (có mặt tại phiên tòa);
HKTT: thôn Như Nguyệt, xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

3. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

a. Ông Chu Văn Hùng, sinh năm 1961, bà Phan Thị Phương, sinh năm 1963.

Cùng trú tại: thôn Như Nguyệt, xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.
(Ông Hùng, bà Hương ủy quyền cho anh Dũng).

b. Chị Đỗ Thị Lan, sinh năm 1983; (có mặt tại phiên tòa);

c. Chị Nguyễn Thị Hải, sinh năm 1975; (có mặt tại phiên tòa);

d. Bà Ngô Thị Tâm, sinh năm 1959; (có mặt tại phiên tòa);

Đều trú tại: thôn Như Nguyệt, xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là anh Chu Văn Dũng trình bày: anh kết hôn với chị Đỗ Thị Hòa, sinh năm 1987 vào năm 2006, trước khi kết

hôn đôi bên có được tìm hiểu thỏa thuận tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, sau khi kết hôn chị Hòa về làm dâu gia đình luôn, vợ chồng sống hòa thuận đến tháng 12/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị Hòa có những lời nói không đúng mực với anh và bố mẹ anh. Ngoài ra, vợ chồng không có mâu thuẫn gì khác, vợ chồng sống ly thân nhau và cắt đứt mọi quan hệ từ đầu năm 2021 đến nay không ai quan tâm tới ai, nay anh cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án cho anh Dũng được ly hôn chị Hòa.

Về con chung: vợ chồng có 03 con chung là cháu Chu Hải Đăng, sinh ngày 10/11/2007, cháu Chu Thị Kim Oanh, sinh ngày 09/5/2012 và cháu Chu Tấn Sang, sinh ngày 14/8/2014, hiện nay các cháu Oanh và Sang đang ở cùng chị Hòa, cháu Đăng đang ở cùng anh. Nay ly hôn, anh xin được nuôi dưỡng cả 3 con chung không yêu cầu chị Hòa phải góp phí tốn nuôi con. Hiện nay thu nhập của anh khoảng 3.000.000đ/tháng. Không yêu cầu chị Hòa phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Vợ chồng có 01 ngôi nhà 01 tầng, diện tích là 90m² nằm trên thửa đất hơn 210m² đất tại thôn Như Nguyệt, xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đất là của bố mẹ anh là ông Chu Văn Hùng, bà Phan Thị Phương, nguồn gốc đất là do ông Hùng bà Hương mua, nguồn kinh phí cũng do ông Hùng bà Hương tự có.

Ngoài ra vợ chồng còn có 01 máy giặt; 01 máy điều hòa loại Samsung; 01 tivi Samsung; 01 tủ lạnh; 01 bình nóng lạnh; 01 bộ bàn ghế; 01 bàn thờ; 01 bộ máy cửa; 01 máy lọc nước; và 02 chiếc xe máy tôi không yêu cầu chia. Riêng máy cửa anh Dũng mượn của em trai là Chu Văn Mạnh. Nay ly hôn anh không yêu cầu Tòa án phân chia mà để vợ chồng anh thỏa thuận với nhau.

Tại biên bản hòa giải ngày 19/10/2021 anh Dũng không đồng ý với chiếc máy cửa và máy bào vì chiếc máy cửa, máy bào trên là của anh Chu Văn Mạnh em trai anh và yêu cầu định giá chiếc xe Alpha, xong tại lời khai ngày 21/10/2021 anh Dũng thay đổi và xác định chiếc máy cửa và máy bào là của vợ chồng chứ không phải là của anh Chu Văn Mạnh, và anh Dũng cũng không yêu cầu định giá chiếc xe Alpha nữa.

Về công nợ: anh đồng ý trả số nợ 34.000.000đ với bà Ngô Thị Tâm là nợ chung của vợ chồng, còn đối với số nợ của chị Hải và chị Lan thì anh không đồng ý trả bởi anh không vay của chị Lan, chị Hải.

Chứng cứ mà nguyên đơn đưa ra để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình gồm: Đơn xin ly hôn; Trích lục kết hôn (bản sao); giấy khai sinh của con (bản sao); Chứng minh thư nhân dân (bản sao); Sổ hộ khẩu (bản sao) Tại buổi tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hôm nay anh không cung cấp chứng cứ tài liệu gì khác.

Về phía bị đơn là chị Đỗ Thị Hòa trình bày: Về thời gian và điều kiện chị kết hôn cùng anh Dũng theo như anh Dũng trình bày là đúng. Vợ chồng sống hòa thuận đến

ngày 09/12/2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh Dũng có quan hệ với người phụ nữ tên là Ngô Thị Liệu, sinh năm 1989 ở thôn Ngô Nội, xã Trung Nghĩa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, chị có chứng kiến việc anh Dũng và chị Liệu tại bệnh viện nói với nhau là vợ chồng, anh Dũng còn nói với chị là anh Dũng đã có vợ hai rồi chị muốn đi với ai thì đi, ngoài ra anh Dũng còn đánh chửi chị. Vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 12/2020 đến nay không ai quan tâm tới ai, nay anh Dũng có đơn xin ly hôn chị không đồng ý, vì các con còn nhỏ.

Về con chung: vợ chồng có 03 con chung về tên tuổi ngày tháng năm sinh của các con như anh Dũng trình bày là đúng, hiện nay các cháu đang ở cùng chị. Nay nếu phải ly hôn chị xin được tiếp tục nuôi dưỡng cả 03 con chung và yêu cầu anh Dũng phải góp phí tổn nuôi con mỗi cháu 1.000.000đ/tháng/cháu đến khi các cháu trưởng thành.

Về tài sản: vợ chồng có 01 ngôi nhà 02 tầng, diện tích là 93m²/tầng nằm trên thửa đất là hơn 200m² đất tại thôn Như Nguyệt, xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đất là của bố mẹ anh Dũng là ông Chu Văn Hùng bà Phan Thị Phương, giấy chứng nhận mang tên ông Hùng bà Phương, nguồn kinh phí mua đất là do ông Hùng, bà Phương tự có mà mua.

Ngoài ra vợ chồng còn có 01 máy giặt; 01 máy điều hòa loại Samsung; 01 ti vi Samsung; 01 tủ lạnh; 01 bình nóng lạnh; 01 bộ bàn ghế; 01 bộ bàn thờ; 01 bộ máy cưa; 01 máy lọc nước; riêng 02 chiếc xe máy nay chị không yêu cầu chia.

Nay ly hôn chị yêu cầu chia đôi ngôi nhà 02 tầng, và một số đồ dùng sinh hoạt như chị đã trình bày.

Về công nợ: Chị đồng ý về số nợ của chị Lan chị Hải, chị không đồng ý với khoản vay của bà Tâm vì khoản vay trên chị đã ghi vào giấy vay nợ của bà Tâm là chị không liên quan gì đến mà do anh Dũng phải chịu trách nhiệm trả cho bà Tâm, riêng số tiền chị vay của chị Hải là chị vay về trả nợ cho anh Dũng tại Ngân hàng VPBank, đối với khoản vay của chị Lan, chị vay để chuộc lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hùng, bà Phương với số tiền là 250.000.000đ.

Chị Lan trình bày: vào ngày 07/9/2020 chị có cho anh Dũng, chị Hòa vay số tiền là 120.000.000đ, khi vay đôi bên không làm giấy vay mượn, chị Hòa anh Dũng vay là để trả nợ cho Ngân hàng để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Hùng bà Phương, khi vay chị không yêu cầu anh Dũng chị Hòa phải trả lãi suất. nay anh Dũng chị Hòa ly hôn chị yêu cầu anh Dũng chị Hòa phải trả cho chị số tiền trên là tiền gốc không yêu cầu lãi suất.

Chị Hải trình bày: vào ngày 15/11/2018 chị có cho anh Dũng, chị Hòa vay số tiền 50.000.000đ, khi vay đôi bên có làm giấy tờ vay mượn, sau anh Dũng chị Hòa đã trả cho chị 02 lần với tổng số tiền trả được là 10.000.000đ, nay anh Dũng chị Hòa ly hôn

chị yêu cầu anh Dũng chị Hòa phải trả cho chị số tiền còn lại là 40.000.000đ không yêu cầu lãi.

Bà Tâm trình bày: bà yêu cầu anh Dũng phải trả cho bà số tiền 34.000.000đ không yêu cầu lãi suất.

Bà Phương, ông Hùng trình bày: bà Phương, ông Hùng xác nhận ngôi nhà 02 tầng xây trên diện tích đất của ông bà là do vợ chồng anh Dũng chị Hòa xây dựng, nay anh Dũng chị Hòa ly hôn ông bà đề nghị tài sản của anh Dũng chị Hòa thì anh Dũng chị Hòa tự phân chia với nhau còn diện tích đất là của ông bà, ông bà không đồng ý chia cho anh Dũng chị Hòa, vì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông bà, riêng số nợ theo như chị Hòa trình bày là chị vay của một số người để chị Hòa chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông bà, việc này thì ông bà không biết chị Hòa anh Dũng vay mượn của những ai thì anh Dũng chị Hòa phải chịu trách nhiệm chứ ông bà không có liên quan gì tới việc vay mượn như chị Hòa trình bày tại Tòa. Nay do công việc nên ông bà Phương, Hùng ủy quyền cho anh Dũng.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ kiện, xong các đương sự không thể thống nhất thỏa thuận giải quyết toàn vụ vụ kiện được, nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa anh Dũng trình bày: anh vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn chị Hòa, bởi lẽ anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn không thể chung sống cùng nhau được nên anh xin được ly hôn chị Hòa, còn về con chung vợ chồng 03 con chung nay ly hôn anh xin nuôi cả 03 con chung không yêu cầu chị Hòa phải góp phí tổn nuôi con, hiện anh đang làm nghề buôn bán gỗ tự do, thu nhập 10.000.000đ/ tháng anh đủ khả năng để nuôi dưỡng các cháu.

Về tài sản: vợ chồng có 01 ngôi nhà khoảng 90 m² xây dựng trên đất của bố mẹ anh là ông Hùng, bà Phương, ngoài ra vợ chồng còn có một số đồ dùng vật dụng như tivi, tủ lạnh, bàn ghế, bộ máy cưa, bình nóng lạnh, bàn thờ và xe máy, điều hòa, máy giặt nay anh đề nghị chia đôi mỗi người $\frac{1}{2}$ số tài sản trên, anh xin lấy bằng hiện vật, riêng chiếc xe máy anh đồng ý để cho chị Hòa sử dụng vì đăng ký mang tên chị Hòa. Về công nợ anh chỉ đồng ý trả cho bà Tâm còn lại của chị Lan, chị Hải anh không vay và không được sử dụng số tiền trên nên anh không chịu trách nhiệm, ai vay người đó phải chịu trách nhiệm trả cho chị Lan, chị Hải.

Chị Hòa trình bày: chị xác nhận lời trình bày của anh Dũng tại phiên tòa về thời gian kết hôn còn mâu thuẫn vợ chồng là không chính xác bởi lẽ anh Dũng có quan hệ với người phụ nữ khác và chơi bời nay anh Dũng xin ly hôn chị không đồng ý, mặc dù

từ khi vợ chồng ly thân và cắt đứt quan hệ đến nay không ai quan tâm tới ai, xong chị nghĩ vì các con còn nhỏ cần có sự chăm sóc giáo dục cả bố lẫn mẹ thì sẽ tốt hơn.

Còn nếu phải ly hôn chị tôn trọng nguyện vọng của các cháu do vậy chị xin được nuôi dưỡng cả 03 con chung yêu cầu anh Dũng phải góp phí tổn nuôi con cho chị mỗi tháng mỗi cháu là 1.5000đ/tháng.

Về tài sản: chị xác nhận vợ chồng có khối tài sản như anh Dũng trình bày tại phiên tòa là hoàn toàn chính xác, nay ly hôn chị đề nghị Toà án chia đôi số tài sản trên, chị xin được lấy bằng tiền để anh Dũng sở hữu bằng hiện vật, chị chỉ đề nghị được lấy chiếc xe máy, bộ bàn ghế và bộ máy cưa.

Về số công nợ: chị vẫn khẳng định số tiền chị vay của chị Lan và chị Hải là để chị chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Phương, ông Hùng và để trả nợ Ngân hàng cho anh Dũng, nay chị yêu cầu anh Dũng cùng có trách nhiệm cùng chị để trả cho chị Lan, chị Hải, tuy giấy vay tiền chỉ có một mình chị ký nhận với chị Lan và chị Hải. còn số tiền vay của bà Tâm trong quá trình giải quyết vụ án anh Dũng đã cam kết với bà Tâm và chị là anh chịu trách nhiệm trả cho bà Tâm số tiền trên.

Chị Lan trình bày: chị đã nghe rõ lời trình bày của anh Dũng, chị Hòa, xong chị cho rằng chị cho vợ chồng anh Dũng chị Hòa vay tiền là có thật bởi lẽ khi chị Hòa sang hỏi vay tiền chị, chị Hòa nói về chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi vay chỉ có chị và chị Hòa làm giấy vay mượn với nhau chứ không có chữ ký của anh Dũng, nay anh Dũng chị Hòa ly hôn chị yêu cầu anh Dũng chị Hòa phải trả cho chị số tiền 120.000.000đ không yêu cầu lãi.

Chị Hải trình bày: khi chị Hòa sang hỏi vay tiền chị thì chị Hòa có nói chị Hòa vay về để trả nợ, còn trả nợ cho ai thì chị Hòa không nói rõ, vì tình cảm chị em quen biết nhau nên khi vay chỉ chị và chị Hòa ký nhận với nhau, nay anh Dũng chị Hòa ly hôn chị yêu cầu chị Hòa phải trả cho chị số tiền 40.000.000đ không yêu cầu lãi suất.

Bà Tâm trình bày: bà đã nghe rõ lời trình bày của anh Dũng chị Hòa tại phiên tòa hôm nay, bản thân anh Dũng cũng thừa nhận có vay của bà số tiền đến nay là 34.000.000đ, nay anh Dũng chị Hòa ly hôn bà yêu cầu anh Dũng phải trả cho bà số tiền 34.000.000đ không yêu cầu trả lãi.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong đã phát biểu ý kiến về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự thủ tục quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn là đầy đủ.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147 BLTTDS; các Điều 166, 280, 357, 463, 466 BLDS; các Điều 33, 56, 59, 81, 82, 83, 110 Luật hôn nhân và gia đình; căn cứ Nghị quyết 326 của UBTVQH về án phí, lệ phí:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Dũng; chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng của chị Hòa; chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của chị Hải, chị Lan, bà Tâm.

- Về quan hệ hôn nhân: cho anh Chu Văn Dũng ly hôn chị Đỗ Thị Hòa.

- Về nuôi con chung: giao cháu Chu Hải Đăng cho anh Dũng trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Chu Tấn Sang và cháu Chu Thị Kim Oanh cho chị Hòa trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Dũng có nghĩa vụ cấp dưỡng 1.500.000 đồng/ tháng cho cháu Sang cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: xác định tài sản chung của anh Dũng chị Hòa là ngôi nhà 02 tầng diện tích 93 m² xây dựng năm 2012 nằm trên thửa đất của hộ bà Phan Thị Phương; 01 bộ bàn ghế gỗ mua năm 2019; 01 bàn thờ gỗ gụ mua năm 2019; 01 Tivi nhãn hiệu Samsung mua năm 2013 – 2014; 01 máy giặt mua năm 2014; 01 máy lọc nước; 01 điều hòa nhãn hiệu Samsung mua năm 2017; 01 tủ lạnh; 01 bình nóng lạnh; 01 xe máy nhãn hiệu Honda Air Blade mua năm 2013 biển kiểm soát: 99D1 – 160.38; 01 máy cưa; 01 máy bào; 01 máy bơm nước.

Giao cho bà Phương ông Hùng sử dụng ngôi nhà 02 tầng diện tích 93 m², ông Hùng bà Phương có nghĩa vụ trích trả số tiền tương ứng giá trị ngôi nhà là 429.420.000 đồng cho anh Dũng, chị Hòa mỗi người được nhận số tiền là 214.710.000 đồng.

Giao cho chị Hòa quản lý, sử dụng bộ bàn ghế gỗ, máy cưa, máy bào, xe máy nhãn hiệu Honda Air Blade.

Giao cho anh Dũng quản lý, sử dụng bàn thờ gỗ gụ, điều hòa nhãn hiệu Samsung, bình nóng lạnh, Tivi nhãn hiệu Samsung, máy giặt, máy lọc nước, tủ lạnh, máy bơm nước. Chị Hòa phải trích trả anh Dũng số tiền 12.750.000 đồng chênh lệch về tài sản.

- Về công nợ chung: chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của chị Lan, chị Hải, bà Tâm. Chị Hòa phải trả cho chị Hải 40.000.000 đồng, trả cho chị Lan số tiền 120.000.000 đồng; anh Dũng phải trả cho bà Tâm số tiền 34.000.000 đồng.

- Về án phí, chi phí tố tụng khác: các đương sự chịu án phí, chi phí tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

Về chi phí thẩm định: anh Dũng chị Hòa mỗi người phải chịu 4.000.000đ

Về án phí: anh Dũng chị Hòa phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Anh Chu Văn Dũng kết hôn cùng chị Đỗ Thị Hòa vào năm 2006 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu thỏa thuận và đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Được coi là hôn nhân hợp pháp, sau khi kết hôn chị Hòa về gia đình anh Dũng làm dâu luôn, vợ chồng sống hòa thuận đến tháng 12/2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do chị Hòa luôn nói năng không đúng mực với bố mẹ anh và anh, anh cũng đã nhắc nhở xong không có kết quả, vợ chồng cũng sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm từ đó đến nay. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn anh xin được ly hôn chị Hòa. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng anh Dũng chị Hòa cũng đã đến mức trầm trọng bởi lẽ giữa vợ chồng đều không có tiếng nói chung, mặc khác anh Dũng cũng có quan hệ với người phụ nữ khác, do vậy cần chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Dũng là giải phóng cho cả đôi bên là phù hợp.

Về con chung: vợ chồng có 03 con chung là cháu Chu Hải Đăng, sinh ngày 10/11/2007, cháu Chu Thị Kim Oanh, sinh ngày 09/5/2012 và cháu Chu Tấn Sang, sinh ngày 14/8/2014. Nay ly hôn cả anh Dũng, chị Hòa đều xin được tiếp tục nuôi dưỡng cả 03 cháu, anh Dũng không yêu cầu chị Hòa phải góp phí tổn nuôi con cho anh. Còn chị Hòa thì yêu cầu anh Dũng phải góp phí tổn nuôi con cho chị mỗi tháng là 1.500.000đ/1 cháu/tháng. Hội đồng xét xử nhận thấy hiện tại anh Dũng đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đăng, còn cháu Oanh, cháu Sang đang ở cùng chị Hòa, về điều kiện kinh tế thì anh Dũng làm nghề tự do, còn chị Hòa làm công nhân thu nhập của cả anh Dũng chị Hòa đều phụ thuộc vào công việc, mặt khác theo nguyện vọng của cả 03 cháu thì đều có nguyện vọng được ở cùng chị Hòa, song để tránh để xáo trộn cần giữ nguyên như hiện nay là giao cho anh Dũng nuôi dưỡng cháu Đăng, giao cho chị Hòa nuôi dưỡng cháu Oanh và Sang, anh Dũng phải góp phí tổn nuôi con là cháu Sang cho chị Hòa mỗi tháng là 1.500.000đ đến khi cháu Sang đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về tài sản: 01 ngôi nhà trần là 89,6m², phần trước ngôi nhà là 1 tầng, phần sau của ngôi nhà là 2 tầng nằm trên thửa đất số 428, tờ bản đồ 23 diện tích là 199,0m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ bà Phan Thị Phương có kích thước 5,6m x 16m + 94m x 5,6m = 140,64m² trong đó diện tích mái tôn là 5,6m x 16m = 88m², phần đồ trần thuộc loại nhà cấp III loại 9 (tuổi thọ 40 năm) với giá là 4.030.000đ/m²; phần mái tôn giá 424.000đ/m.

Giá trị nhà tại thời điểm làm: $140,64\text{m}^2 \times 4.030.000\text{đ} + 88\text{m}^2 = 604.091.000\text{đ}$ trong đó trừ tiền sơn (nhà chưa sơn) tại thời điểm làm nhà là 50.000.000đ

Giá nhà tại thời điểm làm là 554.091.000đ.

Giá trị tại thời điểm định giá là $554.091.000đ \times 31/40 = 429.420.000đ$.

Ngoài ra còn có các tài sản định giá cụ thể: 01 bộ bàn ghế gỗ gụ mua năm 2019 giá 10.000.000đ; 01 bộ bàn thờ gỗ gụ mua năm 2019 giá 5.000.000đ; 01 tivi nhãn hiệu Samsung mua năm 2012 – 2014 (48inch) 1.000.000đ; 01 máy giặt nhãn hiệu LG mua năm 2014 giá 2.500.000đ; 01 máy lọc nước nhãn hiệu Kagaroo đã cũ là: 500.000đ; 01 điều hòa Samsung mua năm 2017, 01 chiều 9000TU giá 1.500.000đ; 01 tủ lạnh nhãn hiệu Panasonic đã cũ là 300.000đ; 01 bình nóng lạnh nhãn hiệu Kanya100 giá 500.000đ; 01 xe máy Aplede màu 2013, 2014 giá 11.000.000đ; 01 bộ máy cửa + 01 máy bảo là 16.000.000đ; 01 máy bơm nước đã cũ là 200.000đ. Riêng chiếc xe máy Wave Alpha mua năm 2020 tại thời điểm định giá không có nên Hội đồng định giá không xem xét. Tổng cộng tài sản định giá là ngôi nhà và các tài sản trên là 477.920.000đ.

Ngôi nhà của vợ chồng anh Dũng chị Hòa làm nằm trên diện tích đất 199,0m² là đất của hộ bà Phương, ông Hùng, nên cần giao toàn bộ ngôi nhà do vợ chồng anh Dũng chị Hòa làm cho bà Phương, ông Hùng sử dụng, xong ông Hùng bà Phương phải trích trả cho anh Dũng, chị Hòa tiền làm nên ngôi nhà trên, còn lại tài sản là các đồ dùng dụng cụ nên cần giao cho anh Dũng chị Hòa cùng sở hữu ngang nhau.

Về công nợ: anh Dũng chỉ thừa nhận số tiền của bà Tâm là 34.000.000đ, còn số tiền 120.000.000đ của chị Lan và số tiền 40.000.000đ của chị Hải anh Dũng không thừa nhận, riêng chị Hòa chỉ thừa nhận số tiền của chị Lan và chị Hải còn số tiền của chị Tâm do anh Dũng vay anh Dũng đã thừa nhận trả cho bà Tâm chị không có ý kiến gì, riêng số tiền của chị Lan và chị Hải chị yêu cầu anh Dũng phải cùng chị trả cho chị Lan và chị Hải số tiền trên. Xét thấy toàn bộ số tiền vay mượn do bà Tâm, chị Lan và chị Hải cung cấp cho Tòa án đều có giấy tờ xong chỉ có một mình chị Hòa ký nhận, nay anh Dũng thừa nhận của bà Tâm thì cần buộc anh Dũng phải trả cho bà Tâm, còn số tiền của chị Lan, chị Hải chị Hòa thừa nhận thì chị Hòa phải chịu trách nhiệm trả cho chị Lan, chị Hải là phù hợp.

Hội đồng xét xử nhận thấy toàn bộ khối tài sản của vợ chồng anh Dũng, chị Hòa tạo dựng nên là do cả 2 vợ chồng cùng có công tạo dựng nên nay anh Dũng chị Hòa ly hôn cần chia đôi cho mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ là phù hợp. Riêng số nợ của vợ chồng anh Dũng chị Hòa tổng cộng của 3 người là 194.000.000đ, tuy khi vay mượn đôi bên có làm giấy tờ vay mượn xong chỉ có chị Hòa ký chứ anh Dũng không hề biết việc chị Hòa có vay của chị Lan, chị Hải để làm gì nên anh không chịu trách nhiệm, anh Dũng chị Hòa có thừa nhận vay của 3 người trên xong không thống nhất được là vay dùng chung vào công việc gia đình và cụ thể của từng người, xong Hội đồng xét xử nhận thấy số tiền của bà Tâm anh Dũng thừa nhận thì buộc anh Dũng phải trả cho bà Tâm,

còn số nợ của chị Lan, chị Hải chị Hòa thừa nhận thì cần buộc chị Hòa phải trả cho chị Lan chị Hải là phù hợp.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện chị Đỗ Thị Hòa có đơn trình bày về điều kiện hoàn cảnh kinh tế gia đình, có con nhỏ bị bệnh và được xác nhận của chính quyền địa phương nên cần miễn một phần án phí sơ thẩm cho chị Hòa.

Về chi phí thẩm định, định giá trong quá trình giải quyết vụ án chị Hòa yêu cầu Tòa án thành lập hội đồng định giá và thẩm định tài sản chị Hòa đã nộp cho Tòa án số tiền 8.000.000đ, nay ly hôn cả anh Dũng chị Hòa đều không thỏa thuận được nên cần buộc anh Dũng chị Hòa mỗi người phải chịu một phần hai là phù hợp.

Về án phí: anh Dũng phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Đối với chị Hoà, do hiện chị đang làm công nhân có thu nhập thấp, phải nuôi con nhỏ đang bị bệnh, điều kiện kinh tế khó khăn nên xét thấy cần giảm $\frac{1}{2}$ án phí theo quy định của pháp luật cho chị Hoà là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 145, 147, 227, 228, 235, 266 và 267 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 116, 119, 357, 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 51, 56, 59, 60, 61, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Dũng; chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng của chị Hòa; chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của chị Hải, chị Lan, bà Tâm.

Về quan hệ hôn nhân: anh Chu Văn Dũng được ly hôn chị Đỗ Thị Hòa.

Về con chung: Giao cho anh Chu Văn Dũng nuôi dưỡng cháu Chu Hải Đăng, sinh ngày 10/11/2007, giao cho chị Đỗ Thị Hòa nuôi dưỡng cháu Chu Tấn Sang, sinh ngày 14/8/2014, cháu Chu Thị Kim Oanh, sinh ngày 09/5/2012, anh Dũng phải đóng góp phí tổn nuôi con chị Hòa đối với cháu Sang là 1.500.000đ/ tháng đến khi cháu Sang đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Xác nhận vợ chồng anh Chu Văn Dũng và chị Đỗ Thị Hòa có tài sản chung là:

- 01 ngôi nhà trần là 89,6m², phần trước ngôi nhà là 1 tầng, phần sau của ngôi nhà là 2 tầng nằm trên thửa đất số 428, tờ bản đồ 23 diện tích là 199,0m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ bà Phan Thị Phương có kích thước 5,6m x 16m + 94m

x 5,6m = 140,64m² trong đó diện tích mái tôn là 5,6m x 16m = 88m², phần đổ trần thuộc loại nhà cấp III loại 9 (tuổi thọ 40 năm) với giá là 4.030.000đ/m²; phần mái tôn giá 424.000đ/m.

Giá trị nhà tại thời điểm làm: 140,64m² x 4.030.000đ + 88m² = 604.091.000đ trong đó trừ tiền sơn (nhà chưa sơn) tại thời điểm làm nhà là 50.000.000đ

Giá nhà tại thời điểm làm là 554.091.000đ.

- 01 bộ bàn ghế gỗ gụ mua năm 2019 giá 10.000.000đ; 01 bộ bàn thờ gỗ gụ mua năm 2019 giá 5.000.000đ; 03 ti vi nhãn hiệu Samsung mua năm 2012 – 2014 (48inch) 1.000.000đ; 01 máy giặt nhãn hiệu LG mua năm 2014 giá 2.500.000đ; 01 máy lọc nước nhãn hiệu Kangaroo đã cũ là 500.000đ; 01 điều hòa Samsung mua năm 2017, 01 chiều 9000TU giá 1.500.000đ; 01 tủ lạnh nhãn hiệu Panasonic đã cũ là 300.000đ; 01 bình nóng lạnh nhãn hiệu Kangaroo giá 500.000đ; 01 xe máy Air Blade màu 2013, 2014 giá 11.000.000đ; 01 bộ máy cưa + 01 máy bào là 16.000.000đ; 01 máy bơm nước đã cũ là 200.000đ. Riêng chiếc xe máy Wave Alpha mua năm 2020 tại thời điểm định giá không có nên Hội đồng định giá không xem xét.

Tổng cộng tài sản định giá là ngôi nhà và các tài sản trên là 477.920.000đ.

Giao cho bà Phan Thị Phương và ông Chu Văn Hùng được sở hữu toàn bộ ngôi nhà trên, nhưng ông Hùng bà Phương phải trích trả cho anh Chu Văn Dũng và chị Đỗ Thị Hòa mỗi người là 214.710.000đ.

Chia cho anh Chu Văn Dũng được sử dụng: 01 bàn thờ gỗ gụ, 01 ti vi Samsung (48in), 01 máy lọc nước nhãn hiệu Kangaroo, 01 máy bơm, 01 máy điều hòa Samsung, 01 máy giặt nhãn hiệu LG, 01 bình nóng lạnh nhãn hiệu Kangaroo, 01 tủ lạnh nhãn hiệu Panasonic và số tiền 214.710.000đ do ông Hùng bà Phương trả. Và được nhận số tiền 12.750.000đ do chị Hòa trả.

Chia cho chị Đỗ Thị Hòa được sử dụng: 01 xe máy Air Blade, 01 bộ bàn ghế gỗ gụ, 01 bộ máy cưa, máy bào và số tiền 214.710.000đ, nhưng phải trích trả cho anh Dũng số tiền 12.750.000đ chênh lệch về tài sản.

Về công nợ: Buộc chị Đỗ Thị Hòa phải trả cho chị Đỗ Thị Lan 120.000.000đ, chị Nguyễn Thị Hải 40.000.000đ.

Buộc anh Chu Văn Dũng phải trả cho bà Ngô Thị Tâm 34.000.000đ

Về chi phí thẩm định định giá tài sản: anh Chu Văn Dũng và chị Đỗ Thị Hòa mỗi người phải chịu 4.000.000đ (xác nhận chị Hòa đã nộp 8.000.000đ) anh Dũng phải hoàn trả cho chị Hòa 4.000.000đ.

Về án phí: Anh Chu Văn Dũng phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con và 13.648.000đ án phí DS-ST, được trừ tiền tạm

ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2020/0001259 ngày 13/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Phong.

Chị Đỗ Thị Hòa phải chịu 9.974.000đ án phí DS-ST, nhưng được trừ số tiền 10.000.000đ đã nộp theo biên lai thu số AA/2020/0001224 ngày 29/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Phong. Hoàn trả cho chị Hoà số tiền 26.000đ tiền tạm ứng án phí.

Hoàn trả chị Nguyễn Thị Hải 1.000.000đ theo biên lai thu số AA/2020/0001315 ngày 25/8/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Phong. Hoàn trả chị Đỗ Thị Lan 1.500.000đ theo biên lai thu số AA/2020/0001316 ngày 25/8/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Phong. Hoàn trả bà Ngô Thị Tâm 850.000đ theo biên lai thu số AA/2020/0001411 ngày 27/9/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Phong.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại điều 357 BLDS.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Xuân Xế

Kiều Văn Dậu

Lương Trọng Thịnh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND huyện Yên Phong;
- CC THADS huyện Yên Phong;
- UBND xã Tam Giang, h. Yên Phong;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP, HS.

**T.M hội đồng xét xử
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Lương Trọng Thịnh